

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ PHẦN CHUNG CỦA DỰ THẢO BỘ LUẬT HÌNH SỰ SỬA ĐỔI

Đào Thu Hà*, Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Ngày nhận: 18/9/2015

Ngày nhận bản sửa: 20/11/2015

Ngày duyệt đăng: 25/11/2015

Tóm tắt:

Bài viết giới thiệu một số nội dung sửa đổi của Phần chung Dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) đồng thời phân tích một số điểm chưa hợp lý trong Phần chung Dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) và đề xuất phương án sửa đổi và lý do của việc sửa đổi một số nội dung có liên quan đến cách thức phân loại tội phạm; phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội; chuyển đổi hình phạt tiền thành hình phạt tù có thời hạn; về hình phạt tha tù trước thời hạn.

Từ khóa: Bộ luật hình sự sửa đổi; phân loại tội phạm, người chưa thành niên phạm tội; độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hình phạt tiền, hình phạt tù, tha tù trước thời hạn.

Some recommendations on the general part of the Amendment of the Penal Code

Abstract

This paper examines the general part of the amendment of the Penal Code in Vietnam. Based on that the authors provide comments regarding classification of crimes, scope of juvenile offenders responsibility, conversion of a fine into termed imprisonment and conditional early release of the general part in the draft amendment of the Penal Code. The article then proposes that several articles of the draft on the said issues should be re-written.

Key words: Draft of amended Penal Code, classification of crimes, juvenile offenders; Ages subject to penal liability, fine, imprisonment, conditional early release.

1. Đặt vấn đề

Trước nhu cầu giải quyết những bất cập của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm; bảo đảm sự phù hợp của pháp luật hình sự với Hiến pháp năm 2013 trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân; đòi hỏi nội luật hóa các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên cũng như yêu cầu thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp, Bộ luật hình sự hiện hành có phạm vi sửa đổi được nhận định là cơ bản, toàn diện.

Dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi (Bộ Tư Pháp, 2015 – trong bài sẽ gọi tắt là Dự thảo) thực sự là công cụ pháp lý sắc bén, hữu hiệu trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và thể chế hóa đầy đủ nghị quyết của Đảng, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 cũng như các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên như Tuyên ngôn nhân

quyền năm 1948; Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 và Công ước về quyền trẻ em năm 1989; Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000 (Công ước TOC), Công ước chống tham nhũng năm 2003 (Công ước UNCAC), Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2000, thành viên Nhóm Châu Á - Thái Bình Dương về phòng, chống rửa tiền năm 2007 (APG), Công ước ASEAN về chống khủng bố năm 2007...

Các quy định trong bản dự thảo này nhìn chung là đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, khoa học và thể hiện sự đổi mới tư duy, nhận thức về chính sách pháp luật hình sự. Tuy nhiên, trong Phần chung của Dự thảo còn có một số quy định cần phải tiếp tục được nghiên cứu, chỉnh lý, hoàn thiện nhằm bảo đảm tính thống nhất, chặt chẽ và khả thi.

2. Một số nội dung trong Phần chung của Dự thảo cần hoàn thiện

2.1. Về cách thức phân loại tội phạm

Bộ Tư Pháp (2015) tại Điều 9 quy định căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, tội phạm được phân thành bốn loại gồm tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Ngoài tính chất gây nguy hại cho xã hội là không lớn, lớn, rất lớn hay đặc biệt lớn, Dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) còn căn cứ vào giới hạn mức phạt tù tối thiểu và tối đa để xác định bốn loại tội phạm này. Đây là điểm khác biệt với căn cứ phân loại tội phạm của Bộ luật hình sự hiện hành. Theo khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự hiện hành, tội phạm được phân loại thành bốn loại tội phạm chỉ căn cứ vào mức cao nhất của khung hình phạt áp dụng đối với tội phạm đó là bao nhiêu năm tù tức là chỉ giới hạn theo mức phạt tù tối đa. Như vậy, cách quy định trên của Dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) sẽ không thống nhất với mức hình phạt của nhiều tội danh, dẫn đến khó xác định chính xác khung hình phạt đó thuộc loại tội nào theo phân loại của Bộ Tư Pháp (2015) tại Điều 9.

Cụ thể là Bộ Tư Pháp (2015) tại Điều 9 quy định: *“1. Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm;*

2. Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 03 năm đến 07 năm tù;

3. Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 07 năm đến 15 năm tù;

4. Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình”.

Vậy, đối với những tội danh mà mức hình phạt không nằm hoàn toàn trong giới hạn tối thiểu và tối đa thì sẽ thuộc vào loại tội nào? Có thể thấy rất nhiều tội danh tại khoản 1 Điều 142, khoản 1 Điều 240, khoản 1 Điều 243, khoản 1 Điều 268, khoản 1

Điều 307 có khung hình phạt từ 6 tháng đến 5 năm tù... Những tội này mức tối thiểu hoàn toàn thỏa mãn tại khoản 1 Điều 9 về tội phạm ít nghiêm trọng nhưng mức tối đa lại thỏa mãn khoản 2 Điều 9 về tội phạm nghiêm trọng. Vậy, những tội danh mà có khung hình phạt từ 6 tháng đến 5 năm tù sẽ thuộc loại tội phạm nào? Tội phạm ít nghiêm trọng hay tội phạm nghiêm trọng. Tương tự như thế, Bộ Tư Pháp (2015) tại khoản 2 Điều 114, khoản 1 Điều 116, khoản 1 Điều 120 và khoản 3 Điều 133 có mức hình phạt từ 5 năm đến 15 năm tù, với khung hình phạt này mức tối thiểu thỏa mãn tội phạm nghiêm trọng, mức tối đa thỏa mãn tội phạm rất nghiêm trọng; tại khoản 4 Điều 133, khoản 3 Điều 140 và khoản 2 Điều 141 có quy định về khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm cũng gặp khó khăn trong việc phân loại tội phạm khi mà mức tối thiểu 12 năm tù thỏa mãn tội phạm rất nghiêm trọng trong khi mức tối đa lại rơi vào khung của tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Thực tiễn lập pháp hình sự của một số quốc gia như Bộ luật hình sự của Cộng hòa Pháp được thông qua năm 1992 và có hiệu lực ngày 01-3-1994 (Nghị viện Cộng hòa Pháp, 1994) phân loại tội phạm cũng dựa trên tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Tuy nhiên, Điều 111-1 của bộ luật này quy định phân loại tội phạm thành trọng tội, khinh tội và tội vi cảnh. Mỗi một hành vi phạm tội cụ thể sẽ được coi là trọng tội, khinh tội hoặc tội vi cảnh, ví dụ Nghị viện Cộng hòa Pháp (1994) tại Điều 211-1 quy định tội diệt chủng là trọng tội, tại Điều R621-1 quy định tội vu khống và lăng nhục không mang tính công cộng là tội vi cảnh cấp độ 1 xâm phạm đến con người đồng thời hình phạt áp dụng đối với mỗi loại tội này cũng chỉ bị khống chế ở mức tối đa. Mức tối thiểu do thẩm phán quyết định nhưng không được trái với nguyên tắc luật định trong những trường hợp cụ thể (Trần Văn Dũng, 2008). Nghị viện Cộng hòa Pháp (1994) tại Điều 132-9 quy định rằng trong trường hợp tái phạm thì thẩm phán không thể tuyên mức phạt tù thấp hơn quy định trong Bộ luật hình sự.

Theo cách phân loại tội phạm của Bộ Tư Pháp (2015) tại Điều 9 cũng như quan điểm truyền thống của Việt Nam về phân loại tội phạm từ Bộ Luật hình sự năm 1985 đến nay thì cùng một loại tội danh nhưng trong từng trường hợp cụ thể phù hợp với từng khung hình phạt thì sẽ có thể là tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

(Trần Văn Dũng, 2008).

Vì thế, trong khi theo thông lệ thế giới xu hướng cá thể hóa hình phạt và trao cho thẩm phán các quyền linh hoạt trong quyết định hình phạt tối thiểu, thì Bộ Tư Pháp (2015) tại Điều 9 lại có các quy định mang tính chia cắt về phân loại tội phạm. Điều này sẽ gây khó khăn trong thực tế áp dụng và ảnh hưởng không nhỏ đến việc quyết định hình phạt của thẩm phán, đặc biệt trong quá trình xét xử người chưa thành niên phạm tội.

2.2. Về phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội

Theo quy định của Công ước về quyền trẻ em năm 1989 mà Việt Nam là thành viên và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách Tư pháp đến năm 2020, đặc biệt là chủ trương: *“Đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2005), Bộ Tư Pháp (2015) tại Phương án 1, khoản 2 Điều 12 đề xuất phương án thu hẹp phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên. Phương án này đã liệt kê một cách cụ thể những tội danh mà người chưa thành niên ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự như: tội giết người, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm trẻ em, tội cưỡng dâm trẻ em, tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản và tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng quy định tại danh mục các điều luật cụ thể kèm theo.

Phương án 1 không hợp lý vì những lý do sau:

Thứ nhất là, tội phạm chưa thành niên có xu hướng ngày càng trẻ hóa, tái phạm và tái phạm nhiều lần, họ hoàn toàn ý thức được quy định nhân đạo của pháp luật đối với người chưa thành niên nên nảy sinh tâm lý coi thường, thách thức các cơ quan tiến hành tố tụng. Mặc dù, Bộ Tư Pháp (2015) phương án 1 khoản 2 Điều 12 là nhằm thể hiện nguyên tắc bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên nhưng không hoàn toàn phù hợp đối với thực tế của nước ta hiện nay.

Thứ hai là, theo Bộ Tư Pháp (2015) phương án 1 khoản 2 Điều 12 thì *“Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm trẻ em, tội cưỡng dâm trẻ em, tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản và tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều sau đây...”*. Trong khi đó, theo Bộ

Tư Pháp (2015) tại Điều 123 về tội giết người và Điều 141 về tội hiếp dâm trẻ em thì ngay từ khoản 1 với tính chất là cấu thành tội phạm cơ bản đã có khung hình phạt từ 7 năm đến 15 năm tức là tội phạm rất nghiêm trọng (theo phân loại của Bộ Tư Pháp (2015) tại Điều 9), dấu hiệu lỗi trong các cấu thành tội phạm này luôn là lỗi cố ý do vậy phần quy định ở sau *“tội rất nghiêm trọng do cố ý”* áp dụng đối với hai tội này của Bộ Tư Pháp (2015) tại Điều 12 là thừa. Ngược lại, tội hiếp dâm theo Bộ Tư Pháp (2015) tại khoản 1 Điều 140 lại thuộc tội phạm nghiêm trọng hoặc tội cướp giật tài sản theo Bộ Tư Pháp (2015) tại khoản 1 Điều 170 thuộc tội phạm nghiêm trọng. Việc quy định những loại tội mà người chưa thành niên phải chịu trách nhiệm hình sự như vậy là không hợp lý, so với quy định của Bộ luật hình sự hiện hành, Dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) đã mở rộng phạm vi loại tội phạm mà người chưa thành niên từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với cả tội phạm nghiêm trọng.

Thứ ba là, việc xác định có tính chất liệt kê các loại tội danh mà người chưa thành niên từ đủ 14 đến chưa đủ 16 tuổi phải gánh chịu trách nhiệm hình sự như quy định của Bộ Tư Pháp (2015) tại phương án 1 khoản 2 Điều 12 cũng sẽ trở nên không phù hợp với thực tế của sự phát triển xã hội, có thể có những tội phạm mới nảy sinh hoặc người chưa thành niên thực hiện các loại tội danh khác có tính chất rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng nhưng không được liệt kê, điều đó sẽ gây khó khăn cho việc xử lý đối với tội phạm. Chẳng hạn như tội mua bán trẻ em, người chưa thành niên cũng có thể thực hiện tội phạm này, nhưng chưa được liệt kê trong Bộ Tư Pháp (2015) tại phương án 1 khoản 2 Điều 12. Vì vậy, theo về vấn đề này nên giữ nguyên theo như quy định của Bộ luật hình sự hiện hành.

Liên quan đến việc xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, Bộ Tư Pháp (2015) tại khoản 1 Điều 89 có quy định: *“...Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm”*. Khoản này nên đổi lại thành *“Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội phải căn cứ vào khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm, độ tuổi”*. Vì trong thực tế người phạm tội chỉ cần chênh nhau

một ngày tuổi đã tạo ra sự bất bình đẳng về chính sách hình sự giữa người chưa thành niên và người thành niên mà vấn đề cốt lõi ảnh hưởng đến năng lực trách nhiệm hình sự của chủ thể tội phạm là khả năng nhận thức và điều khiển hành vi chứ không phải suy đoán đủ tuổi là có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về vấn đề này có thể tham khảo quy định của Bộ luật hình sự Cộng hòa Pháp. Theo đó, Nghị viện Cộng hòa Pháp (1994) tại Điều 122-8 quy định như sau: “Người chưa thành niên có năng lực nhận thức phải chịu trách nhiệm hình sự về trọng tội, khinh tội hay tội vi cảnh mà họ đã thực hiện với những điều kiện được ấn định bởi một đạo luật đặc biệt quy định về các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ, giám sát và giáo dục trong trường hợp người chưa thành niên là đối tượng của những biện pháp này. Đạo luật này cũng quy định các chế tài mang tính giáo dục có thể được áp dụng đối với người chưa thành niên từ 10 tuổi đến dưới 18 tuổi cũng như những hình phạt có thể áp dụng đối với người chưa thành niên từ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi, có tính đến việc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì lý do độ tuổi của họ”. Như vậy, có thể thấy, độ tuổi không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm trong luật hình sự Cộng hòa Pháp mà chỉ là căn cứ để áp dụng các biện pháp như tạm giam, tạm giữ, các biện pháp xử lý khác mà không phải là các hình phạt cụ thể như phạt tiền, phạt tù...

Trong khi đó, theo quan điểm của Việt Nam, độ tuổi vẫn là một yếu tố cấu thành tội phạm và là dấu hiệu luật định để áp dụng các quy định đối với người chưa thành niên, nên Bộ Tư Pháp (2015) tại khoản 1 Điều 89 cần chuyển “khả năng nhận thức...” của người chưa thành niên lên trước để tránh trường hợp Hội đồng xét xử chỉ quan tâm đến mỗi dấu hiệu độ tuổi khi quyết định áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự hay hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội.

Chương XII Dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) về những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội, về cơ bản đã phù hợp với các Công ước về quyền trẻ em nhưng cũng rất cần thiết bổ sung thêm một quy định là trong trường hợp người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi tái phạm nguy hiểm nhiều lần thì không được áp dụng các quy định của Bộ Tư Pháp (2015) tại đoạn 2 khoản 6 Điều 89. Bởi việc tái phạm, tái phạm nguy hiểm của người chưa thành niên trong những trường hợp này đồng

nghĩa với việc người chưa thành niên này đã có ý thức rất rõ (khả năng nhận thức) về những quy định nhân đạo của pháp luật đối với mình và có thái độ coi thường, thách thức pháp luật và xã hội. Vì vậy, trong trường hợp đó, không thể cho áp dụng các quy định của Bộ Tư Pháp (2015) tại đoạn 2 khoản 6 Điều 89: “*Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất*”.

2.3. Về chuyển đổi hình phạt tiền thành hình phạt tù có thời hạn

Về cơ bản, Bộ Tư Pháp (2015) tại phương án 1 Điều 35 về việc chuyển đổi hình phạt tiền thành hình phạt tù là hợp lý nhưng nên bổ sung cụm từ “*xong toàn bộ mà không có lý do chính đáng được Tòa án chấp nhận*”. Bộ Tư Pháp (2015) tại Phương án 1 Điều 35 sẽ được diễn đạt như sau: “*Khi tuyên hình phạt tiền là hình phạt chính, Tòa án tuyên nếu trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị kết án không chấp hành xong toàn bộ mà không có lý do chính đáng được Tòa án chấp nhận...*” và chuyển điểm c của phương án 1 thành một đoạn độc lập như sau “*Trường hợp người bị kết án đã chấp hành được một phần hình phạt tiền, khi hình phạt tiền này là hình phạt chính, thì căn cứ vào phần hình phạt tiền còn lại phải chấp hành, Tòa án quyết định chuyển đổi thành mức hình phạt tù tương ứng*”.

2.4. Về hình phạt tha tù trước thời hạn

Bộ Tư Pháp (2015) tại Điểm a khoản 3 Điều 64 quy định nghĩa vụ của người được kết án là phải tích cực tham gia lao động, học tập còn quá chung chung. Vì thế, nên bổ sung thêm những nghĩa vụ cụ thể như “*phải thực tế hành nghề kể cả là công việc tạm thời, phải đi thực tập tại một tổ chức sử dụng lao động, hay tham dự một khóa học, khóa đào tạo nghề, hoặc đi tìm kiếm việc làm*”; Ngoài ra Bộ Tư Pháp (2015) tại khoản 5 Điều 64 nên bỏ từ “*đã được miễn*” hoặc phải viết rõ là “*đã được miễn chấp hành*” vì bản chất của tha tù trước thời hạn hoàn toàn khác với miễn hình phạt.

Trên đây là một số ý kiến đóng góp về các nội dung thuộc Phần chung của Dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) với mong muốn góp phần xây dựng một Bộ luật hình sự mới với tính lý luận cao, chặt chẽ và có khả năng đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn hiện nay. □

Lời thừa nhận/cảm ơn: Bài viết này được thực hiện trên cơ sở thực hiện Kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức lấy ý kiến đối với Dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi ban hành kèm theo Quyết định số 2631/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Mọi thông tin chi tiết về bài viết cụ thể được giải đáp bởi Nguyễn Thị Hồng Hạnh theo địa chỉ email: nguyenhonghanh2709@gmail.com.

Tài liệu tham khảo

Bộ Tư Pháp (2015), *Dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) lần thứ 4 trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII 10/2015*, ban hành ngày 15 tháng 07 năm 2015.

Đảng Cộng Sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách Tư pháp đến năm 2020*, ban hành ngày 02 tháng 06 năm 2005.

Nghị Viện Cộng hòa Pháp (1994), *Bộ luật hình sự Cộng hòa pháp năm 1994*, truy cập lần cuối ngày 26 tháng 10 năm 2015, từ <<http://www.legifrance.gouv.fr/affichCode.do?cidTexte=LEGITEXT000006070719>>.

Trần Văn Dũng (2008), ‘Về một số chế định pháp lý liên quan đến người chưa thành niên phạm tội trong luật hình sự và luật tố tụng hình sự Cộng hoà Pháp’, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 19 (2), 38-45.

Thông tin tác giả:

***Đào Thu Hà, Thạc sỹ**

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Các vấn đề liên quan đến luật học so sánh, lý luận về nhà nước và pháp luật, pháp luật về môi trường, pháp luật kinh doanh.
- Địa chỉ Email: daothuha88@yahoo.com

****Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Các vấn đề liên quan đến luật hình sự, luật sở hữu trí tuệ, pháp luật kinh doanh.
- Địa chỉ Email: nguyenhonghanh2709@gmail.com